

KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 69/TTr-UBND tỉnh ngày 22 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	Bình Phước	273.690	263.201	96.17	254.955	96.87	8.249	3.13
1	Thành lập phường Minh Hưng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm phường Minh Long, phường Minh Hưng thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Minh Hưng.							
	Phường Minh Hưng	4.667	4.666	99.98	4.666	100.00	0	0.00
	Phường Minh Long	1.798	1.798	100.00	1.742	96.89	56	3.11
	TỔNG	6.465	6.464	99.98	6.408	99.13	56	0.87
2	Thành lập phường Chơn Thành trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Hưng Long, phường Thành Tâm và phường Minh Thành thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành.							
	Phường Hưng Long	5.314	5.314	100.00	5.290	99.55	24	0.45
	Phường Thành Tâm	1.663	1.602	96.33	1.602	100.00	0	0.00
	Phường Minh Thành	1.587	1.587	100.00	1.579	99.50	8	0.50
	TỔNG	8.564	8.503	99.29	8.471	99.62	32	0.38
3	Thành lập xã Nha Bích trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Nha Bích, xã Minh Thắng và xã Minh Lập thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Thắng.							
	Xã Nha Bích	1.620	1.620	100.00	1.593	98.33	27	1.67
	Xã Minh Lập	2.147	2.117	98.60	1.982	93.62	135	6.38
	Xã Minh Thắng	1.192	1.192	100.00	1.188	99.66	4	0.34
	TỔNG	4.959	4.929	99.40	4.763	96.63	166	3.37
4	Thành lập xã Tân Quan trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành và xã Tân Quan, xã Phước An, Tân Lợi thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phước An.							
	Xã Tân Quan	1.295	1.295	100.00	1.286	99.31	9	0.69
	Xã Phước An	2.227	2.227	100.00	2.227	100.00	0	0.00
	Xã Tân Lợi	2.244	2.244	100.00	2.208	98.40	36	1.60
	Xã Quang Minh	681	681	100.00	355	52.13	326	47.87
	TỔNG	6.447	6.447	100.00	6.076	94.25	371	5.75
5	Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Hưng, xã An Khương và xã Thanh An thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Hưng							
	Xã Tân Hưng	2.959	2.959	100.00	2.938	99.29	21	0.71
	Xã An Khương	1.771	1.771	100.00	1.655	93.45	116	6.55
	Xã Thanh An	2.696	2.681	99.44	2.275	84.86	406	15.14



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	7.426	7.411	99.80	6.868	92.67	543	7.33
Thành lập xã Tân Khai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Khai, xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản								
6	Thị trấn Tân Khai	3.645	3.526	96.74	3.526	100.00	0	0.00
	Xã Đồng Nơ	1.625	1.625	100.00	1.621	99.75	4	0.25
	Xã Tân Hiệp	2.334	2.334	100.00	2.305	98.76	29	1.24
	TỔNG	7.604	7.485	98.44	7.452	99.56	33	0.44
Thành lập xã Minh Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Tâm								
7	Xã An Phú	1.297	1.297	100.00	1.297	100.00	0	0.00
	Xã Minh Tâm	1.283	1.283	100.00	1.283	100.00	0	0.00
	Xã Minh Đức	1.307	1.307	100.00	1.277	97.70	30	2.30
	TỔNG	3.887	3.887	100.00	3.857	99.23	30	0.77
Thành lập phường Bình Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường An Lộc, phường Hưng Chiến, phường Phú Đức thuộc thị xã Bình Long và xã Thanh Bình thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Bình Long.								
8	Phường An Lộc	3.063	3.063	100.00	3.059	99.87	4	0.13
	Phường Hưng Chiến	2.840	2.840	100.00	2.837	99.89	3	0.11
	Phường Phú Đức	1.034	1.015	98.16	1.007	99.21	8	0.79
	Xã Thanh Bình	1.181	1.181	100.00	1.177	99.66	4	0.34
	TỔNG	8.118	8.099	99.77	8.080	99.77	19	0.23
Thành lập phường An Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Phú.								
9	Phường Phú Thịnh	1.530	1.530	100.00	1.525	99.67	5	0.33
	Xã Thanh Phú	2.390	2.390	100.00	2.387	99.87	3	0.13
	Xã Thanh Lương	3.548	3.537	99.69	3.484	98.50	53	1.50
	TỔNG	7.468	7.457	99.85	7.396	99.18	61	0.82
Thành lập xã Lộc Thành trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Thành, xã Lộc Thịnh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thành								
10	Xã Lộc Thành	1.901	1.867	98.21	1.853	99.25	14	0.75
	Xã Lộc Thịnh	1.146	1.136	99.13	1.028	90.49	108	9.51
	TỔNG	3.047	3.003	98.56	2.881	95.94	122	4.06
Thành lập xã Lộc Ninh trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Thái, xã Lộc Thuận, thị trấn Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Lộc Ninh								
11	Xã Lộc Thái	1.914	1.914	100.00	1.910	99.79	4	0.21
	Xã Lộc Thuận	2.204	2.151	97.60	2.138	99.40	13	0.60
	Thị trấn Lộc Ninh	2.411	2.285	94.77	2.284	99.96	1	0.04

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	6.529	6.350	97.26	6.332	99.72	18	0.28
12	Thành lập xã Lộc Hưng trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Hưng, xã Lộc Khánh, xã Lộc Điền. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lộc Hưng							
	Xã Lộc Hưng	2.229	2.015	90.40	1.988	98.66	27	1.34
	Xã Lộc Khánh	1.719	1.693	98.49	1.184	69.94	509	30.06
	Xã Lộc Điền	2.082	2.071	99.47	2.071	100.00	0	0.00
	TỔNG	6.030	5.779	95.84	5.243	90.73	536	9.27
13	Thành lập xã Lộc Tấn trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Tấn, xã Lộc Thiện Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: tại xã Lộc Tấn							
	Xã Lộc Tấn	2.834	2.834	100.00	2.809	99.12	25	0.88
	Xã Lộc Thiện	2.186	1.858	85.00	1.735	93.38	123	6.62
	TỔNG	5.020	4.692	93.47	4.544	96.85	148	3.15
14	Thành lập xã Lộc Thạnh trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Hòa, xã Lộc Thạnh Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thạnh							
	Xã Lộc Hòa	1.434	1.434	100.00	1.339	93.38	95	6.62
	Xã Lộc Thạnh	810	810	100.00	810	100.00	0	0.00
	TỔNG	2.244	2.244	100.00	2.149	95.77	95	4.23
15	Thành lập xã Lộc Quang trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Quang, xã Lộc Phú, xã Lộc Hiệp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Phú							
	Xã Lộc Quang	2.015	2.015	100.00	1.290	64.02	725	35.98
	Xã Lộc Phú	1.727	1.718	99.48	1.718	100.00	0	0.00
	Xã Lộc Hiệp	2.092	2.092	100.00	2.090	99.90	2	0.10
	TỔNG	5.834	5.825	99.85	5.101	87.57	727	12.48
16	Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, xã Tân Thành thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành.							
	Xã Tân Tiến	2.550	2.550	100.00	2.528	99.14	22	0.86
	Xã Tân Thành	3.040	2.994	98.49	2.987	99.77	7	0.23
	Xã Lộc An	1.693	1.671	98.70	607	36.33	1.064	63.67
	TỔNG	7.283	7.215	99.07	6.122	84.85	1.093	15.15
17	Thành lập xã Thiện Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh Hòa, thị trấn Thanh Bình và xã Thiện Hưng thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp.							
	Thị trấn Thanh Bình	2.552	2.383	93.38	2.358	98.95	25	1.05
	Xã Thiện Hưng	3.688	3.688	100.00	3.687	99.97	1	0.03
	Xã Thanh Hòa	2.999	2.972	99.10	2.954	99.39	18	0.61
	TỔNG	9.239	9.043	97.88	8.999	99.51	44	0.49
18	Thành lập xã Hưng Phước trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Hưng Phước và xã Phước Thiện thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Hưng Phước.							
	Xã Hưng Phước	1.522	1.522	100.00	1.517	99.67	5	0.33
	Xã Phước Thiện	1.050	1.050	100.00	920	87.62	130	12.38

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	2.572	2.572	100.00	2.437	94.75	135	5.25
19	Thành lập xã Bù Gia Mập trên cơ sở nguyên trạng xã Bù Gia Mập thuộc huyện Bù Gia Mập và trụ sở đặt tại xã Bù Gia Mập.							
	Xã Bù Gia Mập	1.712	1.712	100.00	1.712	100.00	0	0.00
	TỔNG	1.712	1.712	100.00	1.712	100.00	0	0.00
20	Thành lập xã Đăk Ô trên cơ sở nguyên trạng xã Đăk Ô thuộc huyện Bù Gia Mập và trụ sở đặt tại xã Đăk Ô.							
	Xã Đăk Ô	3.889	3.740	96.17	3.718	99.41	22	0.59
	TỔNG	3.889	3.742	96.22	3.718	99.36	24	0.64
21	Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Văn, xã Đức Hạnh và xã Phú Nghĩa thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập							
	Xã Đức Hạnh	1.444	1.444	100.00	1.423	98.55	21	1.45
	Xã Phú Văn	2.476	2.476	100.00	2.476	100.00	0	0.00
	Xã Phú Nghĩa	3.792	3.019	79.61	2.908	96.32	111	3.68
	TỔNG	7.712	6.939	89.98	6.807	98.10	132	1.90
22	Thành lập xã Đa Kì trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Minh, xã Đa Kì và xã Bình Thắng thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đa Kì							
	Xã Phước Minh	2.217	2.052	92.56	2.049	99.85	3	0.15
	Xã Đa Kì	2.845	2.637	92.69	2.637	100.00	0	0.00
	Xã Bình Thắng	2.271	2.146	94.50	2.131	99.30	15	0.70
	TỔNG	7.333	6.835	93.21	6.817	99.74	18	0.26
23	Thành lập phường Phước Bình trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Bình Sơn thuộc huyện Phú Riềng và xã Long Giang, phường Long Phước, phường Phước Bình thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Phước Long							
	Xã Bình Sơn	1.072	982	91.60	982	100.00	0	0.00
	Xã Long Giang	935	916	97.97	912	99.56	4	0.44
	Phường Long Phước	4.403	4.403	100.00	4.391	99.73	12	0.27
	Phường Phước Bình	2.086	2.086	100.00	2.082	99.81	4	0.19
	TỔNG	8.496	8.387	98.72	8.367	99.76	20	0.24
24	Thành lập phường Phước Long trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường Long Thủy, phường Thác Mơ, phường Sơn Giang và xã Phước Tín thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Long Thủy							
	Phường Long Thủy	2.016	2.016	100.00	2.015	99.95	1	0.05
	Phường Thác Mơ	1.782	1.782	100.00	1.773	99.49	9	0.51
	Phường Sơn Giang	1.320	1.302	98.64	1.293	99.31	9	0.69
	Xã Phước Tín	1.893	1.815	95.88	1.805	99.45	10	0.55
	TỔNG	7.011	6.915	98.63	6.886	99.58	29	0.42



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
25	Thành lập xã Long Hưng trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Long Hưng							
	Xã Long Hưng	2.102	2.105	100.14	2.102	99.86	3	0.14
	Xã Bình Tân	2.102	1.979	94.15	1.842	93.08	137	6.92
	Xã Long Bình	2.102	2.083	99.10	2.074	99.57	9	0.43
	TỔNG	6.306	6.167	97.80	6.018	97.58	149	2.42
26	Thành lập xã Long Hà trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Long Hà và xã Long Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Long Hà.							
	Xã Long Hà	3.818	3.818	100.00	3.804	99.63	14	0.37
	Xã Long Tân	2.428	1.862	76.69	1.295	69.55	567	30.45
	TỔNG	6.246	5.680	90.94	5.099	89.77	581	10.23
27	Thành lập xã Phú Riềng trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Bù Nho và xã Phú Riềng thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng thuộc xã Bù Nho							
	Xã Phú Riềng	4.117	3.762	91.38	3.749	99.65	13	0.35
	Xã Bù Nho	3.031	3.017	99.54	2.989	99.07	28	0.93
	TỔNG	7.148	6.779	94.84	6.738	99.40	41	0.60
28	Thành lập xã Phú Trung trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Phước Tân và xã Phú Trung thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Phú Trung							
	Xã Phú Trung	1.197	1.197	100.00	1.197	100.00	0	0.00
	Xã Phước Tân	2.048	2.010	98.14	1.986	98.81	24	1.19
	TỔNG	3.245	3.207	98.83	3.183	99.25	24	0.75
29	Thành lập phường Đồng Xoài trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Thành và phường Tiến Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Tiến Thành							
	Phường Tiến Thành	7.572	7.306	96.49	7.289	99.77	17	0.23
	Xã Tân Thành	3.917	3.849	98.26	3.826	99.40	23	0.60
	TỔNG	11.489	11.155	97.09	11.115	99.64	40	0.36
30	Thành lập phường Bình Phước trên cơ sở nhập 06 ĐVHC cấp xã, gồm phường Tân Phú, phường Tân Đồng, phường Tân Thiện, phường Tân Bình, phường Tân Xuân và xã Tiến Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Đồng Xoài.							
	Phường Tân Phú	8.337	7.694	92.29	7.592	98.67	102	1.33
	Phường Tân Đồng	3.426	3.315	96.76	3.273	98.73	42	1.27
	Phường Tân Thiện	3.333	2.371	71.14	2.359	99.49	12	0.51
	Phường Tân Bình	4.685	4.465	95.30	4.383	98.16	82	1.84
	Phường Tân Xuân	6.185	5.481	88.62	5.450	99.43	31	0.57
	Xã Tiến Hưng	8.419	6.471	76.86	6.426	99.30	45	0.70



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	34.385	29.797	86.66	29.483	98.95	314	1.05
31	Thành lập xã Thuận Lợi trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Thuận Lợi và xã Thuận Phú Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thuận Phú							
	Xã Thuận Lợi	2.573	2.512	97.63	2.266	90.21	246	9.79
	Xã Thuận Phú	2.411	2.411	100.00	2.407	99.83	4	0.17
	TỔNG	4.984	4.923	98.78	4.673	94.92	250	5.08
32	Thành lập xã Đồng Tâm trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đồng Tâm, xã Đồng Tiến, xã Tân Phước. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đồng Tiến							
	Xã Đồng Tâm	2.026	1.883	92.94	1.863	98.94	20	1.06
	Xã Đồng Tiến	3.316	3.316	100.00	3.310	99.82	6	0.18
	Xã Tân Phước	2.193	2.136	97.40	1.962	91.85	174	8.15
	TỔNG	7.535	7.335	97.35	7.135	97.27	200	2.73
33	Thành lập xã Tân Lợi trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Hòa, xã Tân Lợi, xã Tân Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Lợi							
	Xã Tân Hòa	788	788	100.00	778	98.73	10	1.27
	Xã Tân Lợi	1.027	980	95.42	980	100.00	0	0.00
	Xã Tân Hưng	1.075	1.075	100.00	688	64.00	387	36.00
	TỔNG	2.890	2.843	98.37	2.446	86.04	397	13.96
34	Thành lập xã Đồng Phú trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Lập, xã Tân Tiến, thị trấn Tân Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Đồng Phú							
	Xã Tân Lập	2.728	2.623	96.15	2.607	99.39	16	0.61
	Xã Tân Tiến	2.314	2.314	100.00	2.306	99.65	8	0.35
	Thị trấn Tân Phú	3.403	3.363	98.82	3.323	98.81	40	1.19
	TỔNG	8.445	8.300	98.28	8.236	99.23	64	0.77
35	Thành lập xã Phước Sơn trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đăng Hà, xã Thống Nhất, xã Phước Sơn. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất							
	Xã Đăng Hà	1.355	1.355	100.00	1.026	75.72	329	24.28
	Xã Thống Nhất	3.998	3.704	92.65	3.580	96.65	124	3.35
	Xã Phước Sơn	1.402	1.390	99.14	1.386	99.71	4	0.29
	TỔNG	6.755	6.449	95.47	5.992	92.91	457	7.09
36	Thành lập xã Nghĩa Trung trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đức Liễu, xã Nghĩa Bình, xã Nghĩa Trung. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đức Liễu							
	Xã Đức Liễu	3.621	3.476	96.00	3.423	98.48	53	1.52
	Xã Nghĩa Bình	1.416	1.409	99.51	1.365	96.88	44	3.12
	Xã Nghĩa Trung	2.053	2.053	100.00	1.955	95.23	98	4.77
	TỔNG	7.090	6.938	97.86	6.743	97.19	195	2.81



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
37	Thành lập xã Bù Đăng trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đức Phong, Đoàn Kết, Minh Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đăng							
	Thị trấn Đức Phong	2.476	2.476	100.00	2.476	100.00	0	0.00
	Xã Đoàn Kết	1.517	1.517	100.00	1.503	99.08	14	0.92
	Xã Minh Hưng	2.541	2.541	100.00	2.486	97.84	55	2.16
	TỔNG	6.534	6.534	100.00	6.465	98.94	69	1.06
38	Thành lập xã Thọ Sơn trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đồng Nai, xã Phú Sơn, xã Thọ Sơn. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thọ Sơn							
	Xã Đồng Nai	1.315	1.281	97.41	1.169	91.26	112	8.74
	Xã Phú Sơn	1.461	1.333	91.24	1.303	97.75	30	2.25
	Xã Thọ Sơn	1.728	1.728	100.00	1.722	99.65	6	0.35
	TỔNG	4.504	4.342	96.40	4.194	96.59	148	3.41
39	Thành lập xã Đak Nhau trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đường 10, Đak Nhau. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đak Nhau							
	Xã Đường 10	2.010	2.010	100.00	1.861	92.59	149	7.41
	Xã Đak Nhau	3.356	3.185	94.90	3.176	99.72	9	0.28
	TỔNG	5.366	5.195	96.81	5.037	96.96	158	3.04
40	Thành lập xã Bom Bo trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Bom Bo, xã Bình Minh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bom Bo							
	Xã Bom Bo	3.247	2.990	92.09	2.860	95.65	130	4.35
	Xã Bình Minh	2.632	2.632	100.00	2.052	77.96	580	22.04
	TỔNG	5.879	5.622	95.63	4.912	87.37	710	12.63



**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA HĐND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
VỀ CHỦ TRƯỞNG SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số *18* /BC-UBND ngày *24* /4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
I	Thành phố Đồng Xoài	22	21	95.45	21	100	0	0
1	Phường Tiến Thành	17	17	100.00	17	100	0	0
2	Xã Tân Thành	25	22	88.00	22	100	0	0
3	Phường Tân Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
4	Phường Tân Đồng	18	18	100.00	18	100	0	0
5	Phường Tân Thiện	17	17	100.00	17	100	0	0
6	Phường Tân Bình	18	16	88.89	16	100	0	0
7	Phường Tân Xuân	16	14	87.50	14	100	0	0
8	Xã Tiến Hưng	25	23	92.00	23	100	0	0
II	Thị xã Bình Long	29	24	82.76	24	100	0	0
1	Phường Hưng Chiến	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Phường An Lộc	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Phú Đức	17	14	82.35	14	100	0	0
4	Phường Phú Thịnh	17	14	82.35	14	100	0	0
5	Xã Thanh Phú	22	22	100.00	22	100	0	0
6	Xã Thanh Lương	26	25	96.15	25	100	0	0
III	Thị xã Phước Long	29	28	96.55	28	100	0	0
1	Phường Long Thủy	19	19	100.00	19	100	0	0
2	Phường Thác Mơ	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Sơn Giang	20	19	95.00	19	100	0	0
4	Phường Long Phước	17	15	88.24	15	100	0	0
5	Phường Phước Bình	21	20	95.24	20	100	0	0
6	Xã Bình Sơn	19	16	84.21	16	100	0	0
7	Xã Long Giang	23	22	95.65	22	100	0	0
IV	Thị xã Chơn Thành	27	24	88.89	24	100	0	0
1	Phường Hưng Long	27	24	88.89	24	100	0	0
2	Phường Minh Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Phường Minh Thành	24	22	91.67	22	100	0	0
4	Phường Thành Tâm	21	19	90.48	19	100	0	0
5	Phường Minh Long	22	22	100.00	22	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
6	Xã Minh Lập	22	18	81.82	18	100	0	0
7	Xã Minh Thắng	23	23	100.00	23	100	0	0
8	Xã Nha Bích	23	23	100.00	23	100	0	0
9	Xã Quang Minh	23	21	91.30	21	100	0	0
V	Huyện Hớn Quản	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Xã Phước An	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Tân Lợi	23	23	100.00	23	100	0	0
3	Xã Tân Quan	23	23	100.00	23	100	0	0
4	Thị trấn Tân Khai	22	19	86.36	19	100	0	0
5	Xã An Phú	19	16	84.21	16	100	0	0
6	Xã Minh Tâm	20	19	95.00	19	100	0	0
7	Xã Minh Đức	22	20	90.91	20	100	0	0
8	Xã Thanh Bình	22	19	86.36	19	100	0	0
9	Xã Tân Hưng	29	27	93.10	27	100	0	0
10	Xã An Khương	22	21	95.45	21	100	0	0
11	Xã Thanh An	26	24	92.31	24	100	0	0
12	Xã Đồng Nơ	18	18	100.00	18	100	0	0
13	Xã Tân Hiệp	26	25	96.15	25	100	0	0
VI	Huyện Lộc Ninh	35	29	82.86	29	100	0	0
1	Thị trấn Lộc Ninh	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Lộc Thuận	23	22	95.65	22	100	0	0
3	Xã Lộc Thạnh	20	20	100.00	20	100	0	0
4	Xã Lộc Thành	25	24	96.00	24	100	0	0
5	Xã Lộc Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
6	Xã Lộc Hưng	25	25	100.00	25	100	0	0
7	Xã Lộc Thái	21	18	85.71	18	100	0	0
8	Xã Lộc Hiệp	23	22	95.65	22	100	0	0
9	Xã Lộc Khánh	23	18	78.26	18	100	0	0
10	Xã Lộc Điền	23	21	91.30	18	85.71	3	14.29
11	Xã Lộc Tấn	25	23	92.00	23	100	0	0
12	Xã Lộc Quang	22	19	86.36	19	100	0	0
13	Xã Lộc Thiện	24	22	91.67	22	100	0	0
14	Xã Lộc Hòa	22	22	100.00	22	100	0	0
15	Xã Lộc Thịnh	18	18	100.00	18	100	0	0
VII	Huyện Bù Đốp	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Thị trấn Thanh Bình	24	21	87.50	21	100	0	0
2	Xã Thiện Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Xã Thanh Hòa	21	18	85.71	18	100	0	0
4	Xã Tân Tiến	25	23	92.00	23	100	0	0
5	Xã Tân Thành	24	23	95.83	23	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
6	Xã Lộc An	23	21	91.30	21	100	0	0
7	Xã Hưng Phước	19	19	100.00	19	100	0	0
8	Xã Phước Thiện	15	14	93.33	14	100	0	0
VIII	Huyện Bù Gia Mập	25	22	88.00	22	100	0	0
1	Xã Bù Gia Mập	21	21	100.00	21	100	0	0
2	Xã Đăk Ô	28	26	92.86	26	100	0	0
3	Xã Phú Nghĩa	26	23	88.46	23	100	0	0
4	Xã Phú Văn	22	20	90.91	20	100	0	0
5	Xã Đức Hạnh	17	16	94.12	16	100	0	0
6	Xã Đa Kia	24	22	91.67	22	100	0	0
7	Xã Bình Thắng	25	23	92.00	23	100	0	0
8	Xã Phước Minh	19	19	100.00	19	100	0	0
XIX	Huyện Phú Riềng	31	30	96.77	30	100	0	0
1	Xã Phú Trung	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Xã Phú Riềng	26	24	92.31	24	100	0	0
3	Xã Long Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
4	Xã Bù Nho	25	25	100.00	25	100	0	0
5	Xã Long Hà	27	24	88.89	24	100	0	0
6	Xã Long Bình	23	23	100.00	23	100	0	0
7	Xã Bình Tân	19	18	94.74	18	100	0	0
8	Xã Bình Sơn	19	16	84.21	16	100	0	0
9	Xã Phước Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
10	Xã Long Hưng	23	22	95.65	22	100	0	0
X	Huyện Đồng Phú	26	25	96.15	25	100	0	0
1	Thị trấn Tân Phú	28	24	85.71	24	100	0	0
2	Xã Tân Lập	26	26	100.00	26	100	0	0
3	Xã Tân Tiến	24	22	91.67	22	100	0	0
4	Xã Tân Hòa	19	14	73.68	14	100	0	0
5	Xã Tân Hưng	23	21	91.30	20	95.24	1	4.76
6	Xã Tân Lợi	18	17	94.44	17	100	0	0
7	Xã Tân Phước	21	19	90.48	19	100	0	0
8	Xã Đồng Tâm	24	20	83.33	20	100	0	0
9	Xã Đồng Tiến	27	26	96.30	26	100	0	0
10	Xã Thuận Phú	25	25	100.00	25	100	0	0
11	Xã Thuận Lợi	25	23	92.00	23	100	0	0
XI	Huyện Bù Đăng	30	30	100.00	30	100	0	0
1	Thị trấn Đức Phong	23	20	86.96	20	100	0	0
2	Xã Đoàn Kết	18	18	100.00	18	100	0	0
3	Xã Minh Hưng	26	25	96.15	25	100	0	0
4	Xã Phước Sơn	18	17	94.44	17	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
5	Xã Thông Nhất	26	25	96.15	25	100	0	0
6	Xã Đăng Hà	19	19	100.00	19	100	0	0
7	Xã Phú Sơn	20	19	95.00	19	100	0	0
8	Xã Thọ Sơn	17	17	100.00	17	100	0	0
9	Xã Đồng Nai	20	17	85.00	17	100	0	0
10	Xã Bình Minh	24	22	91.67	22	100	0	0
11	Xã Bom Bo	23	21	91.30	21	100	0	0
12	Xã Đường 10	19	17	89.47	17	100	0	0
13	Xã Đak Nhau	24	20	83.33	20	100	0	0
14	Xã Đức Liễu	26	23	88.46	23	100	0	0
15	Xã Nghĩa Bình	19	19	100.00	19	100	0	0
16	Xã Nghĩa Trung	25	23	92.00	23	100	0	0

BÌNH PHƯỚC

**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN NHÂN DÂN, HĐND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
VỀ VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HUYỆN PHÚ RIỀNG**
(Kèm theo Tờ trình số 72 /TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

Nội dung lấy ý kiến: Thành lập xã Bình Tân trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hưng

I. BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Xã Long Hưng	2.102	2.067	98,33	2.059	99,61	8	0,39
2	Xã Bình Tân	2.180	2.119	97,20	2.023	95,47	96	4,53
3	Xã Long Bình	1.979	1.979	100	1.961	99,09	18	0,91
	TỔNG	6.261	6.165	98,47	6.043	98,02	122	1,98

II. Ý KIẾN HĐND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Huyện Phú Riềng	31	29	93,55	29	100	0	0
1	Xã Long Bình	23	23	100	23	100	0	0
2	Xã Bình Tân	19	18	94,74	18	100	0	0
3	Xã Long Hưng	23	23	100	22	95,65	1	4,35